

**CÔNG TY CỔ PHẦN DUCKEY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DUCKEY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUCKEY VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110648643

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19, ngõ 113 phố Nguyễn Chính, tổ 26, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0396283489

Fax:

Email: Duckeyvietnam@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Đại lý mua bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                    | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao,... | 4649(Chính) |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị vi tính.                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</li> <li>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> </ul> | 4659 |
| 5.  | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại;</p> <p>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669 |
| 6.  | <p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p>(Trừ hợp báo)</p> <p>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230 |
| 7.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>(Không bao gồm hoạt động đấu giá, dịch vụ lấy lại tài sản)</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 9.  | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 10. | <p>Hoạt động nhiếp ảnh</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ nhiếp ảnh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7420 |
| 11. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê xe ô tô;</li> <li>- Cho thuê xe có động cơ khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710 |
| 12. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4719 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 16. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì; sản xuất giấy nhãn và bì nhãn.                                                                                                                                                                                                                                  | 1702 |
| 17. | In ấn<br>Chi tiết: In sang băng video và băng cassette. In, kẻ tập học sinh, sổ công tác, đóng xén các loại sách. Sản xuất văn hóa phẩm, văn phòng phẩm. In ấn : in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. In sách báo, văn hóa phẩm, tem nhãn giấy tờ quản lý kinh tế-xã hội.                                                    | 1811 |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Chi tiết: Gia công cắt giấy cuộn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812 |
| 19. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh<br>Chi tiết: Sản xuất nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại. Sản xuất đĩa DVD, linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc.                                                                                                                                                                                        | 2013 |
| 20. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)<br>Sản xuất thiết bị văn phòng.<br>- Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy.                                                                                                                                                                                    | 2817 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                           | 4774 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                                             | 4789 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ Đấu giá bán lẻ qua internet).                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động (Trừ hoạt động đấu giá).                                                                                                                                        | 4799 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;<br><br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định (Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô). | 4931 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định (Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)..                                                                                                                                       | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận chuyển máy móc, thiết bị;<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.<br>(Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                     | 4933 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224 |
| 30. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 31. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3290 |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ thiết bị viễn thông, sản phẩm điện tử, sách điện tử, sách kỹ thuật số, thiết bị đọc.                                                                                                                                                                            | 4741 |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ sách, truyện các loại;<br>- Bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác;<br>- Bán lẻ văn phòng phẩm: Bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ...<br>Loại trừ: Bán lẻ sách cũ hoặc sách cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh). | 4761 |
| 36. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4762 |
| 37. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                        | 4763 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ kính mắt, đồng hồ, vật tư thiết bị máy móc ngành ảnh, dụng cụ văn phòng, trường học, băng video, băng cassette trắng và có chương trình được phép lưu hành.<br>(Loại trừ bán đồ cổ) | 4773 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐINH THỊ<br>NGỌC | Thôn Trung Tiến,<br>Xã Trần Phú,<br>Huyện Chương<br>Mỹ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 450.000       | 4.500.000.000            | 90,000       | 0011890010<br>46                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                            | 450.000       | 4.500.000.000            | 90,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN DUY<br>HUNG | Thôn Phạ 1, Xã<br>Cảm Nhân,<br>Huyện Yên Bình,<br>Tỉnh Yên Bái,<br>Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        | 0150870085<br>76                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 3   | NGÔ NGỌC<br>LINH | Thôn Trung Tiến,<br>Xã Trần Phú,<br>Huyện Chương<br>Mỹ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        | 0011910374<br>76                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: ĐINH THI NGOC

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1989      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001189001046

Ngày cấp: 19/08/2021      Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trung Tiến, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trung Tiến, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội